

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-04-2026
(V/v: Ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Trần Mạnh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2026/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị C - Sinh năm 1982; Số CCCD 011182001594, ngày cấp 25/04/2021, nơi cấp Cục cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi thường trú: Bản M, xã M, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Lương Thị T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Quàng Văn P - Sinh năm 1983; Số CCCD 011083001281, ngày cấp 25/04/2021, nơi cấp Cục cảnh sát QLHC về TTXH. Nơi thường trú: Bản M, xã M, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt có lý do.

Hiện đang cai nghiện tập chung tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: C, xã T, tỉnh Điện Biên.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Bùi Thị T1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến của nguyên đơn chị Lò Thị C trình bày:

Nguyên đơn chị C và anh P đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/9/2001 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã M, tỉnh Điện Biên) kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

anh P sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Chị C và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P không thay đổi. Năm 2025 anh P bị đưa đi cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị C đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị C, anh P có 02 con chung tên là: Quàng Văn T2, sinh ngày 23/6/2002 và Quàng Văn T3, sinh ngày 23/10/2007. Hiện các con đều đã thành niên nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với Bị đơn: Tại bản tự khai ngày 12/3/2026 tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên, anh Quàng Văn P trình bày: Anh và chị C có kết hôn theo quy định pháp luật, nay anh P vẫn còn tình cảm với chị C nên không đồng ý ly hôn.

Con chung: Anh P nhất trí như trình bày của chị C.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Hiện anh P đang cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên nên trong quá trình giải quyết tại Tòa án anh P đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Chị C được ly hôn với anh P; Về con chung: Đã thành niên không đề nghị giải quyết; đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Hiện bà Lò Thị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên. Tuy nhiên ông P không đồng ý ly hôn vì mong muốn con cái được sống trong gia đình đầy đủ, được chăm sóc, nuôi dưỡng và hưởng trọn vẹn tình cảm của cả cha và mẹ; về con chung đề nghị không xem xét giải quyết trong vụ án này. Đề nghị: Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Vụ án ly hôn giữa chị Lò Thị C và anh Quàng Văn P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại Bản M, xã M, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên đều có mặt nguyên đơn và bị đơn. Chị C nhất quyết ly hôn, anh P không đồng ý ly hôn và có ý kiến trình bày xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết.

Ngày 06/4/2026 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án, đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự cho nguyên đơn; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt các văn bản nêu trên và đã có ý kiến xin giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị C và anh Quàng Văn P kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/9/2001 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã M, tỉnh Điện Biên) do đó quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Theo lời trình bày, bản tự khai của nguyên đơn: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Chị C và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P không thay đổi. Năm 2025 anh P bị đưa đi cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị C và anh P đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị C không còn tình cảm với anh Quàng Văn P, không ai quan tâm tới ai; căn cứ tình trạng hôn nhân, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên là: Quàng Văn T2, sinh ngày 23/6/2002 và Quàng Văn T3, sinh ngày 23/10/2007. Hiện các con đều đã thành niên chị C, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên trình bày không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Tại phiên tòa: Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của

nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[7] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Điều 51, Điều 53, Khoản 1 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị C.

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị C được ly hôn với anh Quảng Văn P.

2. Về con chung: Đã thành niên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- UBND xã Mường Mùn, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Người BVQ& Lợi ích HP của các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Tuấn

